

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 110 /QĐ-ĐHKH, ngày 22 tháng 2 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học - ĐHTN)

Tên chương trình:

Tiếng Việt: **LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

Tiếng Anh: **HISTORY OF THE COMMUNIST PARTY OF VIET NAM**

Ngành đào tạo: **Lịch sử**

Mã ngành: 7229010

Trình độ đào tạo: **Đại học**

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực khoa học Lịch sử, có kiến thức chuyên sâu về Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, xây dựng Đảng và quản lý Nhà nước; có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của xã hội, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của các tỉnh miền núi phía bắc nói riêng và cả nước nói chung; luôn trung thành và có ý thức phục vụ nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức

- Chương trình đào tạo Cử nhân Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trang bị cho người học những kiến thức chung về khoa học lịch sử và chuyên sâu Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, xây dựng Đảng và quản lý Nhà nước.

- Người học được trang bị kiến thức, nhận thức sâu sắc về quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

1.2.2. Kỹ năng

- Người học có khả năng tự nghiên cứu, có tư duy khoa học, độc lập và làm chủ lĩnh vực chuyên môn.

- Có năng lực chuyên môn có thể giải quyết tốt các vấn đề về khoa học lịch sử và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, xây dựng Đảng và quản lý Nhà nước.

- Thành thạo nghiên cứu, tuyên truyền, quản lý và tham gia hiệu quả các hoạt động thực tiễn.

- Có đủ năng lực để xem xét, giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

1.2.3. Thái độ

- Trung thành với Tổ quốc, nhân dân và lý tưởng của Đảng.

- Trung thực trong cuộc sống và khoa học; kiên định ngành, nghề đã chọn.

- Có thái độ khách quan, khoa học trong quá trình giải quyết các vấn đề thực tiễn.
- Không ngừng phấn đấu vì sự tiến bộ của bản thân và xã hội.

1.2.4. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Người học sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại các vị trí:

- Các cơ quan trong hệ thống chính quyền, doanh nghiệp có sử dụng kiến thức lịch sử và quản lý Nhà nước.
- Các ban chuyên môn của Đảng ở trung ương và địa phương.
- Các viện, trung tâm nghiên cứu.
- Giảng dạy ở các trường học trong hệ thống giáo dục Việt Nam.
- Các trường chính trị, các trung tâm bồi dưỡng lý luận chính trị các tỉnh, thành phố, quận, huyện.
- Các cơ quan nghiên cứu và biên soạn lịch sử Đảng ở trung ương và địa phương.
- Làm việc trong các cơ quan báo chí và truyền thông, các cơ quan xuất bản.
- Các bảo tàng lịch sử, khu di tích lịch sử.
- Làm nhà quản lý.

1.2.5. Trình độ Ngoại ngữ, Tin học

- Người học sau khi tốt nghiệp có năng lực ngoại ngữ tương đương trình độ B, có khả năng giao tiếp, sử dụng ngoại ngữ trong thực tiễn làm việc.
- Người học có kiến thức tin học tương đương trình độ B, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác.

2. CHUẨN ĐẦU RA

2.1. Kiến thức

- Có kiến thức chuyên sâu về lý luận sử học và phương pháp nghiên cứu khoa học; nắm vững quá trình phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử thế giới và các vấn đề cơ bản về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội...Việt Nam.
- Có nhận thức sâu sắc về quá trình hình thành và phát triển đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng Cộng sản Việt Nam; nắm được kinh nghiệm xây dựng Đảng, quản lý Nhà nước qua các thời kỳ lịch sử; về quá trình hình thành và hoàn thiện đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình thực hiện cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa.

2.2. Kỹ năng

- Kỹ năng cá nhân: Có khả năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học và kiến thức trong quá trình triển khai, giải quyết các vấn đề thực tiễn...
- Kỹ năng làm việc theo nhóm: Có khả năng tham gia, phối hợp để thực hiện, giải quyết các vấn đề trong thực tế...
- Kỹ năng lãnh đạo: Lãnh đạo, tổ chức, chỉ đạo thực hiện, hoàn thành các nhiệm vụ được giao...

2.3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Có sức khỏe và trí tuệ tốt để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- Có ý thức trách nhiệm công dân, chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Có ý thức trách nhiệm nhằm góp phần phát triển ngành và chuyên ngành.
- Có thái độ tích cực trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và chế độ xã hội chủ nghĩa; góp phần tổng kết kinh nghiệm lịch sử, bảo vệ và phát triển đường lối cách mạng của Đảng.

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 136 tín chỉ (Chưa kể nội dung giáo dục thể chất và giáo dục Quốc phòng)

4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

4.1. Cấu trúc chương trình

Nội dung	Số tín chỉ (%)	Số tín chỉ bắt buộc	Số tín chỉ tự chọn
Kiến thức giáo dục đại cương	34 (25%)	34	0
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	102 (75%)		
- Kiến thức cơ sở ngành	30 (22.1%)	21	9
- Kiến thức ngành, chuyên ngành	55 (40.4%)	37	18
- Thực tập, thực tế chuyên môn	10 (7.4%)	10	0
- Khoá luận (hoặc HP thay thế)	7 (5.15%)	7	0
Tổng	136	109	27

4.2. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo

STT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Loại giờ TC (LT/BT-TL/TH-TN/TH)	HP tiên quyết; HP học trước
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương			
1.1	Lý luận chính trị	11		
1.1.1	Triết học Mác - Lênin	3	36/18/0/90	
1.1.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	22/16/0/60	1.1.1
1.1.3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	24/12/0/60	1.1.1
1.1.4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	24/12/0/60	1.1.1
1.1.5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	24/12/0/60	1.1.1
1.2	Khoa học Xã hội và nhân văn	7		
1.2.1	Pháp luật đại cương	2	25/10/0/60	1.1.1
1.2.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	35/20/0/90	1.1.1
1.2.3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	20/20/0/60	1.1.1
1.3	Ngoại ngữ	10		
1.3.1	Tiếng Anh 1	4	50/20/0/120	1.1.1

STT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Loại giờ TC (LT/BT-TL/ TH-TN/TH)	HP tiên quyết; HP học trước
1.3.2	Tiếng Anh 2	3	35/20/0/90	1.1.1 1.3.1
1.3.3	Tiếng Anh 3	3	35/20/0/90	1.1.1 1.3.2
1.4	Toán - Tin học - KHTN - CN - MT	6		
1.4.1	Tin học cơ sở	3	30/0/30/90	1.1.1
1.4.2	Môi trường phát triển bền vững	3	35/20/0/90	1.1.1
1.5	Giáo dục thể chất (chọn 3/6 môn)			
1.5.1	Bóng chuyền			
1.5.2	Bóng rổ			
1.5.3	Cầu lông			
1.5.4	Tennis			
1.5.5	Khiêu vũ thể thao			
1.5.6	Bơi			
1.6	Giáo dục quốc phòng			
2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			
2.1	Khối kiến thức cơ sở khối ngành	30		
	Bắt buộc	21		
2.1.1	Tiếng Việt thực hành	3	45/0/0/90	1.1.1
2.1.2	Xã hội học đại cương	3	45/0/0/90	1.1.1
2.1.3	Kỹ năng giao tiếp	3	45/0/0/90	1.1.1
2.1.4	Lịch sử văn minh thế giới	3	45/0/0/90	1.1.1
2.1.5	Truyền thông quan hệ công chúng	3	45/0/0/90	1.1.1
2.1.6	Dân tộc học đại cương	3	45/0/0/90	1.1.1
2.1.7	Tôn giáo học đại cương	3	45/0/0/90	1.1.1
2.1.8	Tự chọn 9/33 tín chỉ	9		
2.1.9	Những vấn đề lớn của thời đại và khoa học lãnh đạo, quản lý hiện đại	3	45/0/0/90	1.1.1
2.1.10	Truyền thông vận động xã hội	3	45/0/0/90	1.1.1
2.1.11	Văn hóa và đạo đức quản lý	3	45/0/0/90	1.1.1
2.1.12	Quản lý nguồn nhân lực	3	45/0/0/90	1.1.1
2.1.13	Đạo đức công vụ	3	45/0/0/90	1.1.1
2.1.14	Nghiệp vụ văn phòng	3	45/0/0/90	1.1.1
2.1.15	Lịch sử văn học Việt Nam	3	45/0/0/90	1.1.1
2.1.16	Mỹ học đại cương	3	45/0/0/90	1.1.1
2.1.17	Hán Nôm	3	45/0/0/90	1.1.1
2.1.18	Phong tục tập quán và lễ hội Việt Nam	3	45/0/0/90	1.1.1

STT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Loại giờ TC (LT/BT-TL/ TH-TN/TH)	HP tiên quyết; HP học trước
2.1.19	Cơ sở lý luận báo chí truyền thông	3	45/0/0/90	1.1.1
2.2	Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	55		
	Bắt buộc	37		
2.2.1	Lý luận sử học và phương pháp nghiên cứu Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45/0/0/90	1.1.1
2.2.2	Sử liệu học	3	45/0/0/90	1.1.1 2.2.1
2.2.3	Cơ sở khảo cổ học	3	45/0/0/90	1.1.1 2.2.1
2.2.4	Lịch sử Việt Nam	5	70/10/0/150	1.1.1 2.2.1
2.2.5	Lịch sử thế giới	5	70/10/0/150	1.1.1 2.2.1
2.2.6	Kiểm kê và xếp hạng di tích lịch sử văn hóa	3	45/0/0/90	1.1.1 2.2.1
2.2.7	Niên luận	3	5/80/0/90	1.1.1 2.2.1
2.2.8	Đảng lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (1930 – 1975)	3	45/0/0/90	1.1.1 2.2.1
2.2.9	Đảng lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa từ năm 1954 đến nay	3	45/0/0/90	1.1.1 2.2.1
2.2.10	Công tác xây dựng Đảng qua các thời kì (1930 - 2015)	3	45/0/0/90	1.1.1 2.2.1
2.2.11	Tiếng Anh giao tiếp	3	45/0/0/90	1.1.1 1.3.1 1.3.2 1.3.3
	Tự chọn (chọn 18/45 tín chỉ)	18		
2.2.12	Phương pháp dạy – học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45/0/0/90	1.1.1 2.2.1
2.2.13	Các tổ chức chính trị ở Việt Nam 30 năm đầu thế kỷ XX	3	45/0/0/90	1.1.1 2.2.1
2.2.14	Chiến lược biển đảo và bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam hiện nay	3	45/0/0/90	1.1.1 2.2.1
2.2.15	Đường lối đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam (1945 – 2015)	3	45/0/0/90	1.1.1 2.2.1
2.2.16	Đường lối xây dựng và phát triển nền văn hóa của Đảng	3	45/0/0/90	1.1.1 2.2.1
2.2.17	Đảng lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị	3	45/0/0/90	1.1.1 2.2.1

STT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Loại giờ TC (LT/BT-TL/ TH-TN/TH)	HP tiên quyết; HP học trước
2.2.18	Đường lối đấu tranh quân sự của Đảng (1945 – 1975)	3	45/0/0/90	1.1.1 2.2.1
2.2.19	Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn	3	45/0/0/90	1.1.1 2.2.1
2.2.20	Đảng lãnh đạo thực hiện chính sách tôn giáo (1930 – 2015)	3	45/0/0/90	1.1.1 2.2.1
2.2.21	Quan hệ quốc tế (1945 – 2015)	3	45/0/0/90	1.1.1 2.2.1
2.2.22	Nghệp vụ công tác tổ chức Đảng	3	45/0/0/90	1.1.1 2.2.1
2.2.23	Công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng	3	45/0/0/90	1.1.1 2.2.1
2.2.24	Đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45/0/0/90	1.1.1 2.2.1
2.2.25	Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa	3	45/0/0/90	1.1.1 2.2.1
2.2.26	Những cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam	3	45/0/0/90	1.1.1 2.2.1
2.3	Thực tập, thực tế chuyên môn	10		
2.3.1	Thực tế I	2	0/0/30/30	1.1.1 2.2.1
2.3.2	Thực tế II	2	0/0/30/30	1.1.1 2.2.1
2.3.3	Thực tế III	2	0/0/30/30	1.1.1 2.2.1
2.3.4	Thực tập chuyên môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	4	0/0/60/60	1.1.1 2.2.1
2.4	Khóa luận TN (HP thay thế)	7		
2.4.1	Đảng lãnh đạo xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc (1930 – 2015)	2	30/0/0/60	1.1.1 2.2.1
2.4.2	Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện mới	2	30/0/0/60	1.1.1 2.2.1
2.4.3	Nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở Đảng và đội ngũ đảng viên	3	45/0/0/90	1.1.1 2.2.1
	Tổng cộng	136		

Trưởng Khoa/Bộ môn

Quang

Đại diện Ban thẩm định

Phan

Phòng Đào tạo

Hoài

Hiệu trưởng

